TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hươn.
2. Bà L Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà L Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2017 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2017/TLST – HNGĐ ngày 23/5/2017 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 28/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2017/QĐST – HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: A, tổ B, ấp C, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1990.
Địa chỉ: D, ấp E, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:***

Chị và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2012 mới kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau lớn tiếng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2016 tới nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 cháu tên Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/11/2011. Ly hôn, chị xin con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn, anh Đỗ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh L được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đỗ Nguyễn Hoàng N cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Đỗ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Văn L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo chị T thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành nhiều lần triệu tập hợp lệ, giao thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do.

Để chứng minh cho yêu cầu ly hôn của mình, chị T đã cung cấp cho Tòa án hồ sơ photo đơn khởi kiện của anh Đỗ Văn L nộp ngày 13/02/2017. Qua hồ

sơ thể hiện, anh L xin được ly hôn với chị T với lý do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn. Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành thụ lý đơn khởi kiện của anh L. Sau nhiều lần triệu tập nhưng anh L cố tình vắng mặt, ngày 14/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành Quyết định số 70/2017/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Ngày 08/5/2017, chị T tiếp tục nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh L.

Như vậy, qua các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L là có thật. Mâu thuẫn đã trầm trọng nên cả anh L và chị T đều muốn ly hôn. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ anh L cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên để chị T rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đỗ Văn L là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 01 con tên Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/11/2011. Sau khi ly hôn, chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Anh L, chị T sống ly thân từ tháng 10/2016 tới nay, cháu N vẫn sống với chị T. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho trẻ nhỏ, tiếp tục giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có ý kiến của anh L nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ- ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 27; Điều 203, 220; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Về con chung: có 01 con tên Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/11/2011.

Giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị T phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 006388 ngày 22/5/2017.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung